



xiǎo nǚ

小女

noun (humble term) · my daughter (humble)

Example Sentences

Zhè shì xiǎo nǚ de zhào piàn

这是小女的照片。

This is my daughter's photo.

xiǎo nǚ jīn nián gāng shàng xiǎo xué

小女今年刚上小学。

My daughter just started elementary school this year.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小														
女	女	女	女	女	女														